

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **119/2021/DS-ST**
Ngày: 19/7/2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **19** tháng **7** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-DS ngày 28/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 07/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-DS ngày 01/7/2021 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số 191 B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Nh** - Chức danh: Giám đốc Xử lý nợ (Theo Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Bà Phạm Thị Nh ủy quyền cho bà Trần Thị Nh, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Hồng Ph (theo Giấy ủy quyền số 983-03/2020/UQ-TCB ngày 14/10/2020)

* **Bị đơn:** 1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981

2. Anh Đặng Trần Tr, sinh năm 1983

Cùng có HKTT và cư trú tại: Đội 1, thôn ĐL, xã HĐ, huyện C, Thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

01. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966.

02. Bà Trương Thị Th, sinh năm 1966 (vợ ông L)

03. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 (con ông L + bà Th)
04. Chị Bàn Thị L, sinh năm 1990 (vợ anh L)
05. Cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2010 (con anh L + chị L)
06. Cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2012 (con anh L + chị L)
07. Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2018 (con anh L + chị L)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thị Thùy D, cháu Nguyễn Thị Thùy D và cháu Nguyễn Thị Thanh H là: Anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L (bố mẹ đẻ).

08. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 (con ông L + bà Th)
09. Chị Tô Thị Ng, sinh năm 2000 (vợ anh H)
10. Cháu Nguyễn Đình A, sinh năm 2020 (con anh H + chị Ng)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Đình A là: Anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng (bố mẹ đẻ).

Đều cư trú tại: xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện C, Thành phố Hà Nội.

11. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991.

Cư trú tại: thôn C, xã N, huyện C, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Có mặt: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K – Trần Thị Nhung; bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bà Trương Thị Th.

Vắng mặt: Anh Đặng Trần Tr, ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng, chị Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP K – Bà Trần Thị Nhung trình bày:*

Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 19/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch L - Chi nhánh H (gọi tắt là Ngân hàng T) và chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr ký Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT với nội dung chị H, anh Tr vay Ngân hàng T số tiền: 900.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng*). Cùng ngày Ngân hàng T đã giải ngân cho chị H, anh Tr số tiền 900.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 42487 ngày 19/03/2011.

+ *Mục đích vay:* Tiêu dùng thế chấp

+ *Thời hạn vay:* 180 tháng

+ *Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng:* 19/03/2026

+ *Lãi suất vay:* Lãi suất linh hoạt như sau:

Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 30/06/2011 là 19.5%/năm;

Lãi suất áp dụng cho khoảng thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần vào các ngày đầu quý và bằng Lãi suất huy động tiết kiệm thường 12

tháng loại trả lãi sau của Ngân hàng T cộng (+) biên độ 6.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được Ngân hàng T quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng và các nghĩa vụ khác của chị H, anh Tr tại Ngân hàng T là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, diện tích 274m² (*Trong đó: 132m² đất ở lâu dài; 142m² đất QHĐ 80 – Lưu không*) có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện C, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001*) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

Hợp đồng thế chấp công chứng số: 1358.2011/HĐTC-TCB ngày 17/03/2011 tại Văn phòng công chứng T có địa chỉ tại số 54 TNT, quận H, Thành phố Hà Nội. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2011 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị H, anh Tr đã thanh toán trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 241.047.591 đồng. Trong đó đã trả gốc 55.000.000 đồng; trả lãi 186.047.591 đồng. Sau đó chị H, anh Tr vi phạm cam kết trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nên khoản nợ của chị H, anh Tr bị chuyển nợ quá hạn từ ngày tháng 5/2012.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2020, Ngân hàng T yêu cầu chị H, anh Tr phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/7/2020 là: **3.053.178.130** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 845.000.000 đồng; nợ lãi: 2.199.178.130 đồng và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng.

Tạm tính đến ngày 08/4/2021, chị H, anh Tr còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là: **3.280.343.753** đồng. Trong đó: Nợ gốc: 845.000.000 đồng; nợ lãi: 2.435.343.753 đồng (*Trong đó: Nợ lãi trong hạn là 799.459.628 đồng; nợ lãi quá hạn là: 580.996.019 đồng; lãi phạt chậm trả lãi là: 1.054.888.106 đồng*).

Ngày 08/4/2021, Ngân hàng T đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi phạt tính đến hết ngày 08/4/2021 với số tiền là **1.054.888.106** đồng và khoản lãi phạt phát sinh từ ngày 09/4/2021 cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T. Đồng thời Ngân hàng T cũng xin rút khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội yêu cầu:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là: **2.271.886.057** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng và kể từ ngày 20/7/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr vẫn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh

theo Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/03/2011 và Khế ước nhận nợ số 42487 ngày 19/03/2011 cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng T.

Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật nếu chị H, anh Tr không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng T, Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, diện tích $274m^2$ (Trong đó: $132m^2$ đất ở lâu dài; $142m^2$ đất QHĐ 80 – Lưu không) có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị H, anh Tr và đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, chị H, anh Tr vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

** Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa, bị đơn - Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị thừa nhận, ngày 19/3/2011 giữa Ngân hàng T và vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr ký Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT với nội dung chị H, anh Tr vay Ngân hàng T số tiền: 900.000.000 đồng, Ngân hàng T đã giải ngân cho chị H, anh Tr số tiền 900.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 42487 ngày 19/03/2011. Mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T trình bày.

Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ tín dụng và các nghĩa vụ khác của chị H, anh Tr tại Ngân hàng T là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, diện tích $274m^2$ (Trong đó: $132m^2$ đất ở lâu dài; $142m^2$ đất QHĐ 80 – Lưu không) có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng do khó khăn về kinh tế nên chị H, anh Tr mới trả cho Ngân hàng T tổng số tiền là 241.047.591 đồng. Trong đó đã trả gốc 55.000.000 đồng; trả lãi 186.047.591 đồng. Sau đó, do khó khăn và do chị và anh Tr đã ly hôn nên chị và anh Tr đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Nay, sau khi Ngân hàng T rút khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi và rút khoản tiền

phạt vi phạm hợp đồng, Ngân hàng T yêu cầu chị và anh Tr phải thanh toán trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là: **2.271.886.057** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng và kể từ ngày 20/7/2021 chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr vẫn phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/03/2011 và Khế ước nhận nợ số 42487 ngày 19/03/2011 cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng T. Nếu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

Chị H có ý kiến như sau: Chị H đề nghị Ngân hàng T miễn giảm khoản tiền lãi và cho chị và anh Tr được trả dần khoản tiền gốc vì hiện tại công việc của chị rất khó khăn.

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th và lời trình bày của bà Trương Thị Th tại phiên tòa bà Th trình bày:*

Bà Trương Thị Th là di ruột của chị H. Năm 2011, do vợ chồng chị H, anh Tr có nhu cầu vay vốn Ngân hàng nên gia đình đã thế chấp tài sản để cho anh Tr, chị H vay vốn tại Ngân hàng T. Cụ thể chị H, anh Tr vay và sử dụng số tiền vay như thế nào ông bà không nắm được và không liên quan đến khoản vay, do tình cảm trong gia đình nên ông bà cho chị H, anh Tr mượn sổ đỏ và đi ký thế chấp để tạo điều kiện cho chị H, anh Tr lấy vốn làm ăn.

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu chị H, anh Tr thanh toán khoản tiền còn nợ và nếu chị H, anh Tr không thanh toán Ngân hàng T sẽ yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông bà đề nghị phía Ngân hàng T miễn giảm khoản tiền lãi và cho chị H, anh Tr trả dần khoản tiền gốc vì hiện tại chị H, anh Tr đã ly hôn, chị H đang phải nuôi con nhỏ, công việc hiện tại cũng khó khăn, chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L trình bày:* Năm 2011, gia đình anh đã thế chấp thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, diện tích 274m² có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L cho Ngân hàng T để chị H, anh Tr vay tiền tại Ngân hàng T. Hiện nay, anh và gia đình là người sinh sống trên đất thế chấp, các tài sản trên đất thế chấp là do bố mẹ anh xây dựng. Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, anh đề nghị phía Ngân hàng miễn khoản tiền lãi và cho chị H trả khoản tiền gốc.

** Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/12/2020 thể hiện:* Trên thửa đất thế chấp có ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th, anh Nguyễn Văn L (*con ông L + bà Th*), chị Bàn Thị L (*vợ anh L*), cháu Nguyễn Thị Thùy D (*con anh L*), cháu Nguyễn Thị Thùy D (*con anh L*), cháu Nguyễn Thị Thanh H (*con anh L*), anh Nguyễn Văn H (*con ông L + bà Th*), chị Tô Thị Ng (*vợ anh H*), cháu Nguyễn Đình

A (con anh H). Chị Nguyễn Thị Th là con ông bà là thành viên trong hộ gia đình đã đi lấy chồng năm 2016 và ở nhà chồng tại thôn C, xã N, huyện Chương Mỹ. Năm 2017, vợ chồng ông bà có xây thêm 01 nhà 01 tầng, tầng 02 làm mái tôn làm chỗ ở vì nhà đông người.

Về diện tích đất của thửa đất thế chấp:

+ Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001 mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $274m^2$ (Trong đó: $132m^2$ đất ở lâu dài; $142m^2$ đất QHĐ 80 – Lưu không).

+ Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐY, huyện Chương Mỹ thể hiện: Theo bản đồ đo đạc năm 2018 (chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thì thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8 có diện tích $295,4m^2$ (tăng $21,4m^2$).

+ Theo sơ đồ đo đạc theo hiện trạng: thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8 có diện tích $352,3m^2$ (tăng $78,3m^2$).

Theo cung cấp của Ủy ban nhân dân xã ĐY, việc tăng về diện tích đất thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và với bản đồ đo đạc năm 2018 là do trước đây đo bằng tay, năm 2018 đo bằng máy và việc tăng thêm của hiện trạng sử dụng đất là do phần tìm đường của tỉnh lộ 419 thay đổi trong quá trình thi công làm đường giao thông tỉnh lộ 419.

Bà Trương Thị Th cũng thừa nhận sau khi làm đường tỉnh lộ 419 thì diện tích đất lưu không của gia đình bà Th có tăng thêm về phía mặt đường (tăng thêm phần đất lưu không) và gia đình bà có xây tường để bảo vệ tài sản của gia đình.

* Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2012/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

** Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:*

+ Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T giữ nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 08/4/2021 về việc Ngân hàng T không yêu cầu chị H, anh Tr phải trả khoản lãi phạt tính đến hết ngày 08/4/2021 với số tiền là **1.054.888.106** đồng và khoản lãi phạt phát sinh từ ngày 09/4/2021 cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T. Đồng thời Ngân hàng T cũng giữ nguyên việc xin rút yêu cầu chị H, anh Tr phải trả khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng.

Sau khi rút các khoản tiền phạt, Ngân hàng T yêu cầu chị H, anh Tr phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là: **2.271.886.057** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2021, chị H, anh Tr phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ

và cam kết trả nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp chị H, anh Tr không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng T, Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Việc miễn giảm khoản tiền lãi cũng như giãn thời hạn trả nợ sẽ được các bên thỏa thuận trong quá trình thi hành án sau khi phía Ngân hàng T xem xét thiện chí trả nợ của chị H, anh Tr.

Hiện chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2012/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ và buộc chị H, anh Tr phải có nghĩa vụ liên đới đối với số tiền nợ Ngân hàng T.

+ Bị đơn – Chị Nguyễn Thị Thanh H đề nghị phía Ngân hàng T miễn giảm khoản tiền lãi do điều kiện kinh tế của chị hiện đang khó khăn, bản thân chị bị bệnh tim và đang phải điều trị và do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên việc làm ăn của chị gặp rất nhiều khó khăn.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Th đề nghị Ngân hàng T xem xét tạo điều kiện để chị H, anh Tr thanh toán khoản tiền còn nợ để giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà vì hiện tại thửa đất gia đình thế chấp để chị H, anh Tr vay vốn là thửa đất duy nhất của gia đình.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Th thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và bị đơn; ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- *Về khoản tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền phạt chậm trả lãi và khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng của Ngân hàng T. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ngân hàng T yêu cầu chị H, anh Tr phải thanh toán toàn bộ khoản tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là: **2.271.886.057** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng và kể từ ngày 20/7/2021 chị H, anh Tr phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng T. Chị H, anh Tr hiện đã ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi khoản nợ để buộc chị H, anh Tr

phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T.

- *Về xử lý tài sản bảo đảm:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp chị H, anh Tr không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng T.

- *Về án phí:* Bị đơn là chị H, anh Tr phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn (Ngân hàng T) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền dự phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Đặng Trần Tr và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, anh Đặng Trần Tr và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L, anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng và chị Nguyễn Thị Th vắng mặt, đây là phiên tòa lần thứ 02. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 19/3/2011, giữa Ngân hàng T với vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr ký Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/3/2011 với nội dung: Chị H, anh Tr vay Ngân hàng T số tiền 900.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng*). Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng T đã giải ngân cho chị H, anh Tr số tiền 900.000.000 đồng bằng Khế ước nhận nợ số 42487 ngày 19/03/2011.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị H, anh Tr đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký. Ngân hàng T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ yêu cầu chị H, anh Tr phải thanh toán khoản tiền còn nợ. Bị đơn là chị H, anh Tr có hộ khẩu thường trú tại: xã HĐ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[1.3]. Về người tham gia tố tụng:

Khi ký hợp đồng thế chấp, hộ gia đình ông Nguyễn Văn L bao gồm: Ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Th ký thế chấp tài sản của hộ gia đình để chị H, anh Tr vay Ngân hàng T.

Hiện trên tài sản thế chấp có: Ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th, anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L (vợ anh L), cháu Nguyễn Thị Thùy D (con anh L + chị L), cháu Nguyễn Thị Thùy D (con anh L + chị L), cháu Nguyễn Thị Thanh H (con anh L + chị L), anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng (vợ anh H), cháu Nguyễn Đình A (con anh H + chị Ng) nên Tòa án đưa những người có tên nêu trên và chị Nguyễn Thị Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng T và bên vay là chị Nguyễn Thị Thanh H đều xác nhận toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/3/2011 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 42487 ngày 19/03/2011. Về số tiền chị H, anh Tr đã được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ chị H thừa nhận.

[2.2]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ: Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ được các bên vay là chị H và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T thừa nhận, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ được các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị H, anh Tr đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ đã ký. Vì vậy, Ngân hàng T khởi kiện buộc bên vay là chị H, anh Tr phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và yêu cầu chị H, anh Tr phải trả khoản tiền gốc còn nợ, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn - Ngân hàng T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 9.000.000 đồng và khoản lãi phạt tính đến hết ngày 08/4/2021 với số tiền là **1.054.888.106** đồng và khoản lãi phạt phát sinh từ ngày 09/4/2021 cho đến khi chị H, anh Tr thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T. Xét việc rút khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng và khoản tiền lãi phạt của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Ngân hàng T đã xuất trình đầy đủ bảng kê tính khoản tiền còn nợ (gốc, lãi) tạm tính đến hết ngày 19/7/2021. Do vậy, cần buộc chị H, anh Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là: **2.271.886.057** đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng.

Khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/3/2011 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 42487 ngày 19/03/2011 là khoản nợ chị H, anh Tr được xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Khi ký Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ chị H, anh Tr là người ký và khi ký hợp đồng tín dụng giữa

chị H và anh Tr không có thỏa thuận về khoản tiền nợ nên xác định khoản nợ này là nợ chung vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân. Chị H, anh Tr đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2012/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội và tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự chưa xem xét đến khoản tiền còn nợ tại Ngân hàng T nên cần chia đều khoản tiền nợ để chị H và anh Tr phải có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng T. Cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là 1.135.943.028,5 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 422.500.000 đồng, Lãi trong hạn: 405.630.550 đồng; Lãi quá hạn: 307.812.478,5 đồng.

Anh Đặng Trần Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là 1.135.943.028,5 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 422.500.000 đồng, Lãi trong hạn: 405.630.550 đồng; Lãi quá hạn: 307.812.478,5 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2021, chị H, anh Tr phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

[2.3]. Về tài sản bảo đảm: Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định tại Điều 3 – Bảo đảm nợ vay của Hợp đồng tín dụng và nội dung chi tiết được thực hiện theo Điều 1 của Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba. Đối tượng bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, diện tích 274m² (Trong đó: 132m² đất ở lâu dài; 142m² đất QHĐ 80 – Lưu không) có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L.

[2.4]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba: Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Theo đó, các thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị H, anh Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, trong trường hợp chị H, anh Tr không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng T, Ngân hàng T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành

án Dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (*bao gồm cả phần tài sản có trên phần đất lưu không tăng thêm*) đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐY, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001*) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L để thu hồi nợ.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ: Trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: xóm N, thôn 4, xã ĐY, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L có: Ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th (*vợ ông L*), anh Nguyễn Văn L (*con ông L + bà Th*), chị Bàn Thị L (*vợ anh L*), cháu Nguyễn Thị Thùy D (*con anh L + chị L*), cháu Nguyễn Thị Thùy D (*con anh L + chị L*), cháu Nguyễn Thị Thanh H (*con anh L + chị L*), anh Nguyễn Văn H (*con ông L + bà Th*), chị Tô Thị Ng (*vợ anh H*), cháu Nguyễn Đình A (*con anh H + chị Ng*) là những người đang sinh sống trên đất.

Theo đó: Ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th, anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L, cháu Nguyễn Thị Thùy D, cháu Nguyễn Thị Thùy D, cháu Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng, cháu Nguyễn Đình A và chị Nguyễn Thị Th cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (*nếu có phát sinh thêm*) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị H, anh Tr vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ theo tỷ lệ đã phân chia cho Ngân hàng T.

[3]. Về án phí.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng T là 77.437.721 đồng. Trong đó phần của mỗi người phải chịu là 38.718.860,5 đồng

+ Ngân hàng T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 46.000.000 đồng dự phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 355, 357, 471, 474, 476 và các Điều từ 715 đến 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 113, 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc Ngân hàng TMCP K không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr phải trả khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 9.000.000 đồng và khoản lãi phạt tính đến hết ngày 08/4/2021 là **1.054.888.106** đồng và các khoản tiền phạt kể từ ngày 09/4/2021 cho đến khi chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr thanh toán xong các khoản nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và dành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là: 2.271.886.057 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, . Trong đó: Nợ gốc là: 845.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 811.261.100 đồng; Lãi quá hạn: 615.624.957 đồng. **Trong đó, phần của mỗi người là:**

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là 1.135.943.028,5 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 422.500.000 đồng, Lãi trong hạn: 405.630.550 đồng; Lãi quá hạn: 307.812.478,5 đồng.

+ Anh Đặng Trần Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 19/7/2021 là 1.135.943.028,5 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 422.500.000 đồng, Lãi trong hạn: 405.630.550 đồng; Lãi quá hạn: 307.812.478,5 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2021, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 42487/HĐTD/TH-TN/TCB LTK – LTT ngày 19/03/2011 và Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 42487 ngày 19/03/2011 cho đến khi chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K.

4. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng TMCP K có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả phần tài sản có trên phần đất lưu không tăng thêm) đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại: xóm N, xã ĐỖ, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là xóm N, thôn 4, xã ĐỖ, huyện Chương Mỹ Thành phố Hà Nội (Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số S 059051, vào sổ cấp giấy GCN QSDĐ số 00301 QSDĐ/184/QĐUB do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 16/08/2001) mang tên Hộ ông Nguyễn Văn L để thu nợ.

Theo đó: Các thành viên trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn L bao gồm: Ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị Th, anh Nguyễn Văn L, chị Bàn Thị L, cháu Nguyễn Thị Thùy D, cháu Nguyễn Thị Thùy D, cháu Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị Ng, cháu Nguyễn Đình A và chị Nguyễn Thị Th cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (nếu có phát sinh thêm) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đặng Trần Tr vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K.

5. Về án phí:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Đặng Trần Tr phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng T là 77.437.721 đồng. Trong đó phần của mỗi người phải chịu là 38.718.860,5 đồng

+ Ngân hàng T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 46.000.000 đồng dự phí đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010233 ngày 28/10/2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

+ Ngân hàng TMCP K, bà Trương Thị Th và chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hà Nội;
- VKSND H.Chương Mỹ;
- Chi cục THA H.Chương Mỹ;
- Lưu HSVA – VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long